TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 187/2026/HNGĐ-ST
Ngày 22 - 5 - 2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Ngọc Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thái Hoàng Bo

Ông Hồ Thanh Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 22 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 211/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2026, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn Út Đ, sinh năm 1982; Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1989; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn ông Nguyễn Văn Út Đ trình bày:

Về hôn nhân: Ông Đ và bà L chung sống với nhau vào năm 2001, hôn nhân tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, bà L bỏ nhà đi không rõ lý do, ông Đ yêu cầu bà L về đề hàn gắn nhưng bà L không đồng ý nên ông Đ yêu cầu xin ly hôn với bà L.

Về con chung: Quá trình chung sống ông, bà có 02 người con chung tên Nguyễn Hoàng D, sinh năm 2002 và Nguyễn Thế D1, sinh năm 2004. Đối với hai con đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Đ xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Ông Đ xác định không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với bà Nguyễn Thị L: Quá trình Toà án triệu tập, bà L vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn Út Đ có đơn xin từ chối tham gia phiên tòa sơ thẩm và bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án tiến hành cấp, tống đạt các văn bản tố tụng đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bà L vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Ông Đ và bà L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2001, hôn nhân tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Xét yêu cầu ly hôn của ông Đ thấy rằng, do ông Đ và bà L không có đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét việc cho ông, bà ly hôn mà tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Đối với cháu Hoàng D và Thế D1 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[4] Về tài sản chung: Ông Đ xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Và nợ: Ông Đ xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Đ phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35 và khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Văn Út Đ và bà Nguyễn Thị L là vợ chồng.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Út Đ phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0003581 ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh C; ông Đ đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông Nguyễn Văn Út Đ và bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viển kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng THA dân sự khu vực 4 – Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Ngọc Yến